

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV. - Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam - Điện thoại: 02633 976 888; - Mã số thuế: 0104297034 - 007; - Email: vanthudn5.2012@gmail.com - Tài khoản: 1020831973, tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bảo Lộc, Lâm Đồng. Đại diện là Ông: Trần Văn Tuấn Chức vụ: Giám đốc
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: - Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2026, - Địa điểm thi công: Trụ sở Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 xã Bảo Lâm 5 và xã Quảng Tín tỉnh Lâm Đồng ; Nhà ở CBCNV Lộc Thắng xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Trụ sở Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 xã Bảo Lâm 5 và xã Quảng Tín tỉnh Lâm Đồng ; Nhà ở CBCNV Lộc Thắng xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng và được xác định trong Tập 2. Thiết kế bản vẽ thi công hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2026 đã được phê duyệt tại quyết định số 564/QĐ-ĐN5 ngày 22/4/2026.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: ngày có biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày có biên bản bàn giao mặt bằng thi công
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý hạng mục: Không có. - Tư vấn giám sát là: Không có.
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Chi tiết như bảng tiến độ đính kèm.
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng 1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung chi tiết và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); 3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng; 4. E-ĐKC của hợp đồng; 5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

	6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; 7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu; 8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có); 9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng tương ứng với số tiền.... - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Thời hạn nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 05 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày làm việc, kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho người lao

	động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba... theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có).
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình 12 tháng, kể từ ngày có biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Trụ sở Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 xã Bảo Lâm 5 và xã Quảng Tín tỉnh Lâm Đồng ; Nhà ở CBCNV Lộc Thắng xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: ngày bàn giao mặt bằng thi công
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. Giải quyết tranh chấp: 1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua Tòa án có thẩm quyền tại Lâm Đồng theo quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam. Quyết định của Tòa án có thẩm quyền được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Trong thời gian chờ phán xử của tòa án, các bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ khác không liên quan đến vấn đề đang tranh chấp
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 05 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 607.607.703 VND.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khi tiến độ thực hiện hợp đồng bị chậm trễ do yếu tố khách quan như rủi ro, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thực hiện thi công được thì hai bên cùng thống nhất gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng với thời gian xảy ra rủi ro, bất khả kháng.
C. Quản lý chất lượng	

E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải ghi rõ tên, chủng loại vật tư, máy móc, thiết bị cần yêu cầu Nhà thầu cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm (nếu có).
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: “Cố định” đối với hợp đồng trọn gói.
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: Nhà thầu được tạm ứng 10% giá trị hợp đồng (trước thuế) tương ứng với số tiền..... đồng, sau khi Nhà thầu nộp giấy đề nghị tạm ứng và thư Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. Giá trị tạm ứng được thu hồi trên các phiếu giá thanh toán, việc thu hồi vốn tạm ứng được thực hiện ngay khi thanh toán lần đầu và kết thúc khi khối lượng thanh toán đạt 80% giá trị nghiệm thu. - Thời gian tạm ứng: Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu sau khi hợp đồng có hiệu lực, trong vòng 30 ngày khi Chủ đầu tư nhận được giấy đề nghị tạm ứng và thư bảo lãnh tạm ứng do ngân hàng có uy tín của Việt Nam phát hành có giá trị tương ứng. (tiền tạm ứng sẽ khấu trừ 100% vào thanh toán hợp đồng).
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản b) Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 90 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được 05 bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ các chứng từ hợp lệ. c) Số lần thanh toán: - Thanh toán lần 1: Thanh toán 90 % giá trị nghiệm thu, Sau khi bên B hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo hợp đồng và được bên A nghiệm thu xác nhận. Bên A sẽ thanh toán đến 90% giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng cho Bên B (bao gồm khoản thu hồi tạm ứng theo quy định) trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên B xuất trình đầy đủ các chứng từ sau: + Đề nghị thanh toán của Bên B. + Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và đưa Công trình vào sử dụng. + Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính. + Bản hợp đồng phô tô. - Thanh toán lần 2: Thanh toán 10% tiền giữ lại như sau: + Thanh toán 10% giá trị giữ lại bảo hành công trình trong vòng

	90 ngày sau khi kết thúc thời gian bảo hành hoặc khi Bên B cung cấp cho Bên A thư bảo lãnh bảo hành do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, có giá trị tương ứng với 10% giá trị giữ lại bảo hành và thời gian bảo lãnh bảo hành tương ứng với thời gian còn lại bảo hành kể từ ngày phát hành bảo lãnh và Bên A nhận đầy đủ 05 bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ các chứng từ sau: + Đề nghị thanh toán của Bên B. + Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán + Biên bản thanh lý hợp đồng. + Bản phô tô Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán đợt 1; + Bản hợp đồng phô tô d. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10%.
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng: a) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó; b) Thay đổi về thiết kế; c) Thay đổi các mốc hoàn thành và thời gian thực hiện hợp đồng; d) Các trường hợp khác quy định theo quy định cấp có thẩm quyền trong thời gian thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0%.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: 1.1 Phạt Hợp đồng do chậm tiến độ thực hiện: + Vi phạm thời gian thực hiện Hợp đồng: Nếu Nhà thầu không đảm bảo thời gian thi công hoàn thành với bất kỳ phần công việc nào, Chủ đầu tư sẽ khấu trừ khỏi giá hợp đồng một khoản tiền tương đương với 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho một ngày chậm tiến độ. Tổng giá trị khoản phạt không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. - Nếu Nhà thầu vi phạm chậm Hợp đồng quá thời gian 7 ngày Chủ đầu tư có quyền đề nghị xem xét chấm dứt hợp đồng. 1.2. Phạt Hợp đồng do không đảm bảo chất lượng: - Bên B vi phạm do không hoàn thành đầy đủ khối lượng hoặc chất lượng công trình không đạt yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải bằng mọi nỗ lực thực hiện thi công đầy đủ theo

	khối lượng và đảm bảo chất lượng theo đúng quy định của Hợp đồng. Khi đó tiến độ thực hiện được tính từ ngày nội dung công việc thi công được bàn giao đến khi Bên B hoàn thành việc cung cấp toàn bộ phạm vi công việc theo khối lượng và chất lượng quy định tại Hợp đồng. - Trường hợp Bên B không thể khắc phục để đảm bảo chất lượng đảm bảo theo yêu cầu Bên B sẽ chịu phạt 12% giá trị hợp đồng. Tổng giá trị phạt hợp đồng không quá 12% giá trị hợp đồng. Trường hợp Bên B không thể khắc phục để đảm bảo chất lượng các mục công việc của Công trình đảm bảo theo yêu cầu thì các mục công việc này sẽ không được nghiệm thu và Bên A thuê đơn vị khác để thực hiện chi phí phát sinh do bên B chi trả. - Nếu do lỗi của Bên B trong quá trình thi công dẫn đến mất an toàn thì ngoài phần giá trị bồi thường và khắc phục 100% thì Nhà thầu còn bị phạt 5% giá trị Hợp đồng cho mỗi vụ việc. - Phương thức phạt Hợp đồng: Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm Hợp đồng và bị phạt theo các điểm ở trên, Chủ đầu tư có quyền khấu trừ tiền phạt Hợp đồng vào giá trị còn lại của Hợp đồng chưa thanh toán hoặc yêu cầu Nhà thầu thanh toán phần giá trị phạt Hợp đồng.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. Nếu một trong hai Bên vi phạm các điều khoản, hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái quy định mà gây thiệt hại cho Bên kia thì ngoài việc xử lý theo điều khoản phạt trong hợp đồng này, Bên vi phạm còn phải bồi thường cho bên kia toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh do vi phạm.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: 5 ngày kể từ ngày hai bên ký kết biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành và đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trong vòng 10 ngày kể từ nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 607.607.703 VND.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 10 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.